

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C P
TỈNH Q N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HS -ST

Ngày: 07 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C P, TỈNH Q**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà T T T.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông: N H Q- Cán bộ nghỉ hưu.

2. Bà: BT H - Cán bộ nghỉ hưu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà V T L - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C P.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:***

Ông T H H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/01/2020 tại Hội tr- ờng xét xử Toà án nhân dân thành phố CP, tỉnh Q N, đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 191/2019/TLST-HS ngày 06/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2019/QĐXX-HS ngày 24/12/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **H M L** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 22/2/2222, tại thành phố C P, tỉnh Q N.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 2, khu B, phường Q H, thành phố C P, tỉnh Q N.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12.

Con ông: H V L, sinh năm 1960 (đã chết); Con bà: Đ T T, sinh năm 1962.

Vợ: P T K A, sinh năm 1993; Có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 21/9/2019, tạm giữ đến ngày 27/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Có mặt.

2. Họ và tên: **T X T** - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 00/00/0000, tại thành phố C P, tỉnh Q N.

Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: Tổ A, khu B, phường C T , thành phố C P, tỉnh QN.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12;

Con ông: T V K, sinh năm 1971; con bà: G T S, sinh năm 1973.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 21/9/2019, tạm giữ đến ngày 27/9/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh”. Có mặt.

Bị hại: P T Đ, sinh năm 1998; Trú tại: tổ 2, khu L, phường C B, thành phố C P, tỉnh Q N. Vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người làm chứng: P V C, Đ M N, N Th N, N X Đ, N V C, N V T, Đ V M, T T T, P T K A. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 02/9/2019, anh P T Đ cùng bạn đi hát tại phòng số 2222 quán Karaoke KTV thuộc tổ 3, khu 8, phường C T, thành phố C P, tỉnh QN. Đến khoảng 8 giờ ngày 03/9/2019, anh Đ ra gặp H M L là quản lý quán Karaoke KTV để thanh toán. Theo hóa đơn, anh Đ phải trả số tiền gần 11.800.000đồng, nhưng anh Đ không có tiền nên L bảo anh Đ gọi điện cho người nhà mang tiền đến thanh toán rồi về, nhưng Đ không gọi mà tự ở lại quán. Đến 23 giờ cùng ngày Đ bỏ về nhà và để lại quan 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14U1-284.88.

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/9/2019, do Đ vẫn chưa trả tiền nên L đến nhà bạn của Đ ở đường Nguyễn Văn Trỗi, phường C T, thành phố C P gặp và bảo Đ về quán Karaoke KTV để trả tiền cho quán. Do anh Đ vẫn không có tiền nên L bảo Đ gọi điện cho gia đình mang tiền đến trả. Sau đó anh Đ dùng điện thoại gọi và nhắn tin cho mẹ để là bà T T T mang tiền đến trả giúp anh Đ. Mặc dù bà T không đồng ý trả tiền giúp anh Đ, nhưng anh Đ vẫn chờ ở quán, tự do đi lại, không bị ai trông coi và nghỉ tại phòng VIP 28 của quán. Đến khoảng 15 giờ ngày 17/9/2019, do bà T không đến trả tiền cho quán nên Đ bỏ về.

Đến khoảng 17 giờ ngày 17/9/2019, T X T là nhân viên của quán Karaoke KTV thấy Đ đang chơi điện tử tại quán Internet 24h thuộc phường C Đ, thành phố C P thì T đến bảo Đ về quán Karaoke KTV để giải quyết chuyện nợ tiền. Khi về đến quán, Trường đưa anh Đức 01 chiếc điện thoại rồi bảo Đ gọi điện cho gia đình cầm tiền đến trả. Đ gọi điện cho bà T nhưng bà T không đồng ý. Một lúc sau L đến và đưa Đ vào phòng VIP 28, bảo T khóa cửa lại và canh giữ không cho anh Đ bỏ trốn. Anh Đ bị L và T giữ tại phòng VIP 28 đến ngày 20/9/2019 thì bà T đi cùng anh N V T (bạn bà T) đến quán Karaoke KTV yêu cầu L cho anh Đ về, nhưng L không đồng ý và yêu cầu bà T phải trả nợ cho anh Đ thì mới cho anh Đ về. Bà T không đồng ý nên đã đến Công an thành phố C P trình báo.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/9/2019, Cơ quan điều tra kiểm tra tại phòng VIP 28 quán Karaoke KTV, thấy cửa phòng đóng kín, không khóa, phòng tối, hệ thống điện chiếu sáng đang tắt. Bật hệ thống điện chiếu sáng lên thấy anh Đ đang ngồi ở ghế Sô-pha, không bị trói hay thương tích gì. Trên mặt bàn trong phòng đặt nhiều loại nước đóng chai, cốc thủy tinh, 03 bát còn chứa ít mỳ ăn liền, 01 hộp giấy xốp trắng loại chuyên dùng chứa thực phẩm (bên trong còn ít cơm). Cơ quan điều tra thu giữ : 02 phiếu thanh toán tại quầy thu ngân nhà hàng karaoke KTV với tổng số tiền phải thanh toán 11.775.630đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel gắn sim 0203.629.3666; 01 xe mô tô nhãn hiệu nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14U1-284.88.

Quá trình điều tra H M L, T X T khai phù hợp lời khai của bị hại anh P T Đ.

Bản cáo trạng số: 192/CT-VKSCP ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P đã truy tố H M L, T X T về tội: "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt: H M L từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; T X T từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố CP, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố C P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, tuy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, H M L và T X T khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người người làm chứng trong quá trình điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, và các chứng cứ khác thu thập đ-ợc có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 17/9/2019 đến ngày 20/9/2019, tại phòng VIP 28, quán Karaoke KTV thuộc tổ 3, khu 8, phường C T, thành phố C P, tỉnh Q N, H M L và T X T đã có hành vi giữ anh P T Đ trái pháp luật thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật”, được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân được luật hình sự bảo vệ, gây dư luận xấu và bất bình trong nhân dân. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của mình gây ra, đảm bảo mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, do xuất phát từ việc bị hại nợ tiền hát Karaoke dẫn đến các bị cáo hành động bột phát, không có sự bàn bạc, trao đổi. Tuy nhiên việc giữ anh Đ do bị cáo L khởi xướng, do đó bị cáo L có vai trò đầu vụ và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

H M L và T X T đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại tuy vắng mặt nhưng có ý kiến tại hồ sơ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra bị cáo L có bố đẻ đã có công khi tham gia thanh niên xung phong trong chiến tranh biên giới Việt - Trung năm 1979 và tham gia công tác trật tự tư quản tại phường Q H, thành phố C P 2003 -2005. Do vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo, mà cho các bị cáo được cải tạo, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương, sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, do nhân thân các bị cáo không thuộc đối tượng áp dụng.

[7] Về dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 02 phiếu thanh toán tại quầy thu ngân nhà hàng Karaoke KTV với tổng số tiền phải thanh toán 11.775.630 đồng là tài liệu đang được lưu trong hồ sơ vụ án nên không đề cập xem xét.

Cơ quan điều tra thu giữ và đã trả lại cho chủ sở hữu anh P T Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 14U1-284.88 là phù hợp pháp luật.

01 điện thoại nhãn hiệu Viettel gắn sim 0203.629.3666 là tài sản các bị cáo H M L, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo L.

01 đoạn dây điện màu đen dài 4m thu tại phòng VIP 28 Karaoke KTV, không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[9] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Mạnh Lanh và Tăng Xuân Trường phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: H M L, T X T phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: H M L 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/01/2020).

Giao H M L cho Ủy ban nhân dân phường Q H, thành phố C P, tỉnh Q N để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình H M L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q H trong việc giám sát, giáo dục L. Trường hợp H M L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: T X T 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 07/01/2020).

Giao T X T cho Ủy ban nhân dân phường C T, thành phố C P, tỉnh Q N để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình T X T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C T trong việc giám sát, giáo dục T. Trường hợp T X T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn dây điện màu đen dài 4m.

Trả lại cho H M L 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel gắn sim 0203.629.3666.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 53 ngày 07/01/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C P).

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. H V L và T X T, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/01/2020); Bị hại anh P T Đ vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND thành phố C P;
- VKSND tỉnh Q N;
- TAND tỉnh Q N;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. C P;
- Cơ quan THAHS Công an TP. C P;
- Chi cục THADS thành phố C P;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

T T T

